



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đá Hoàng Mai

Ngày 31/12/2025	12,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.4%	2.6%	3.4%

DT thuần Q4/25
11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00 -34.7%
YoY: ▼7.70 -40.5%

LN thuần Q4/25
1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲1.22 761%
YoY: ▼3.51 -71.8%

LN sau thuế Q4/25
1.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38 -25.2%
YoY: ▼1.69 -60.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
8.7%
YoY: +/-▼ 7.0%

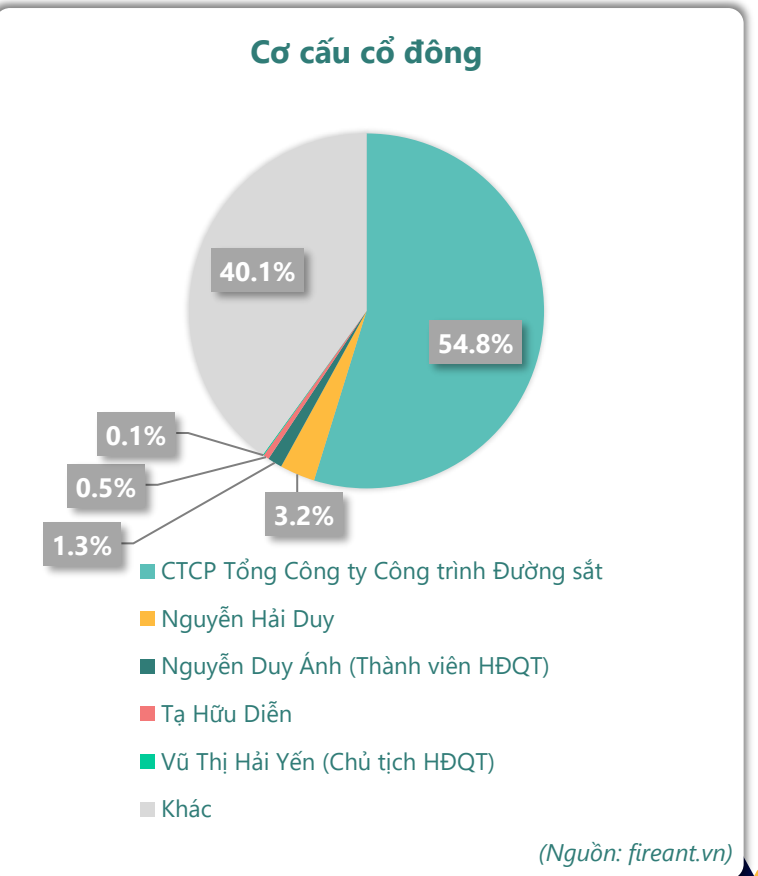
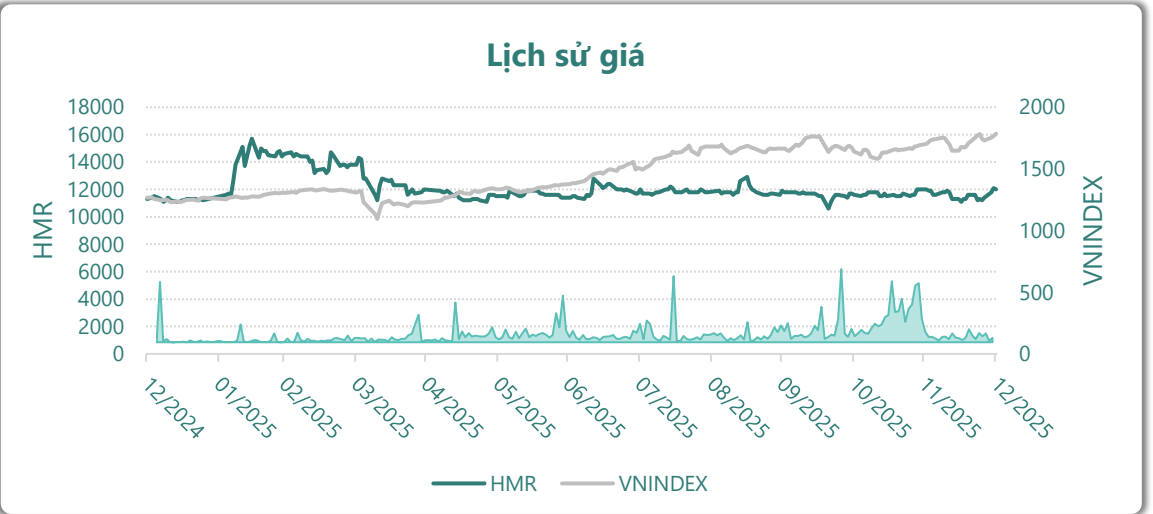
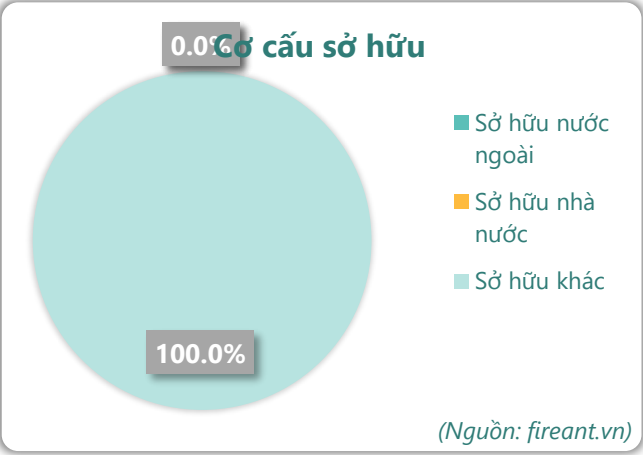
ROE 2025
4.0%
YoY: +/-▼ 3.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,600 - 15,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
Số lượng CPLH (CP)	5,612,444
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,660
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.39
EPS	565
P/E	21.2

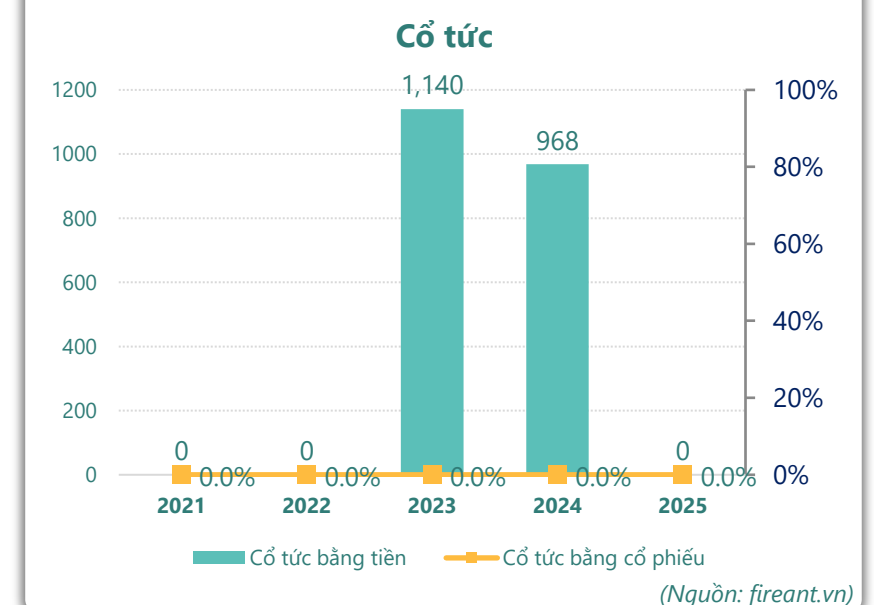
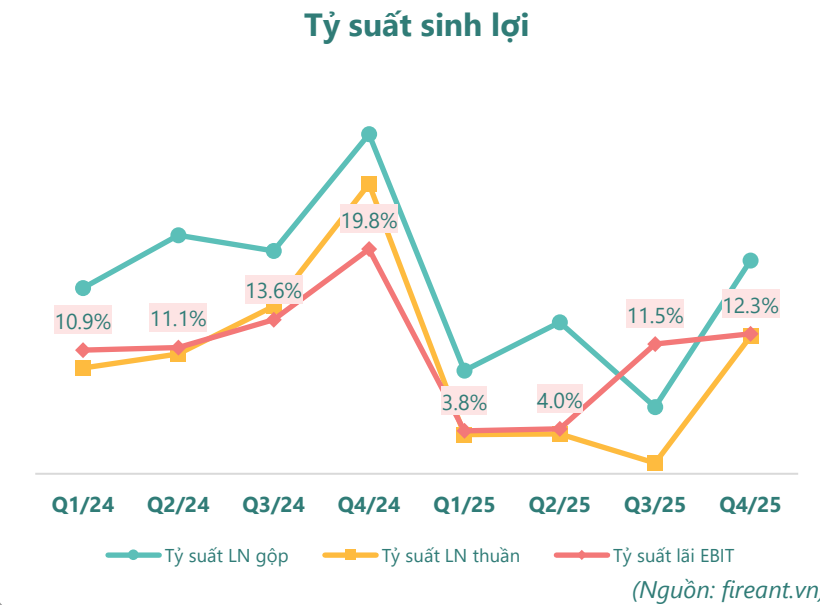
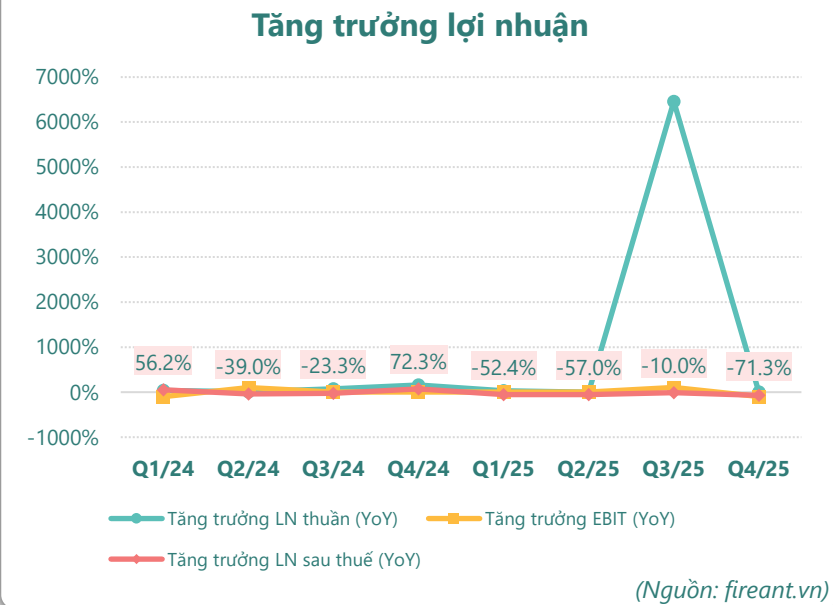
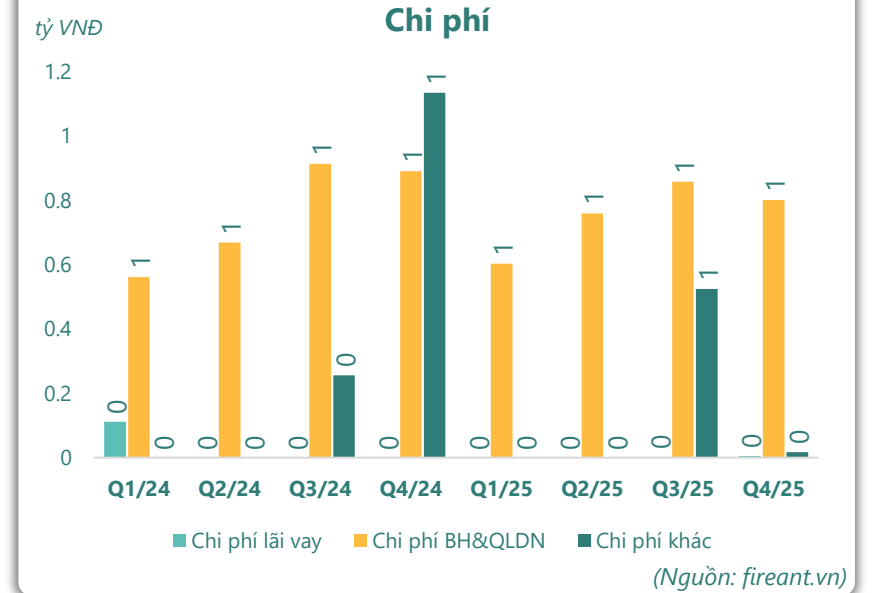
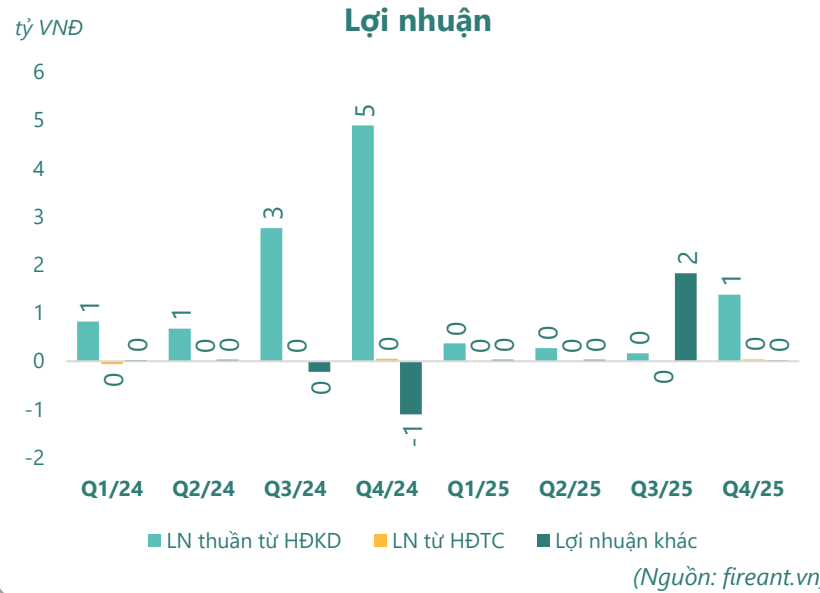
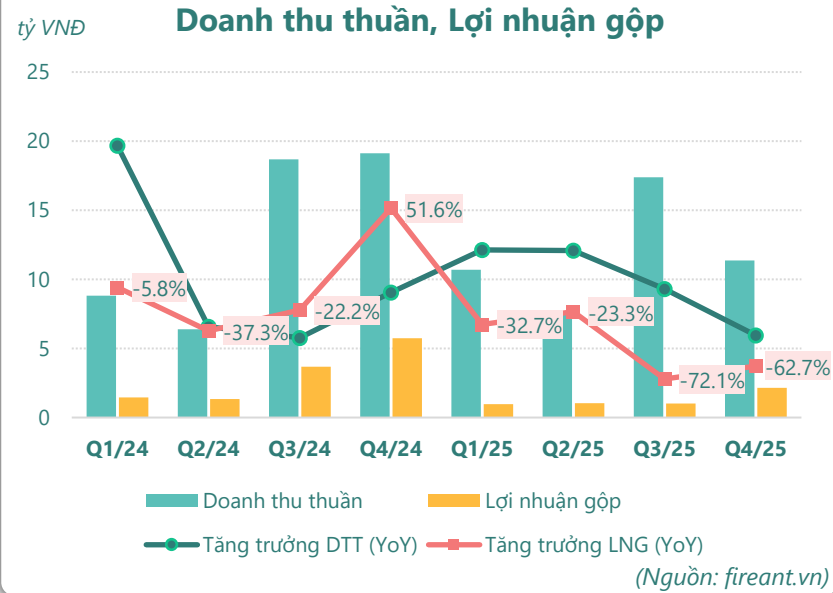
DT thuần 2025
47.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.80 -11.0%

LN thuần 2025
2.18
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.97 -76.1%

LN sau thuế 2025
3.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.86 -47.5%



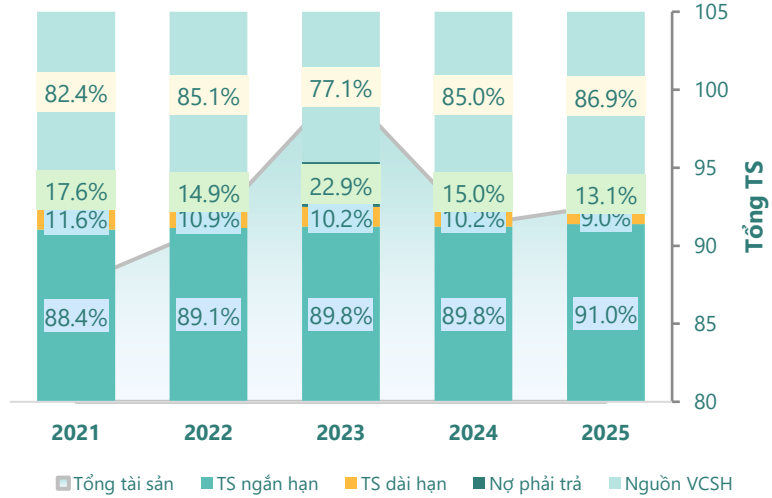
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

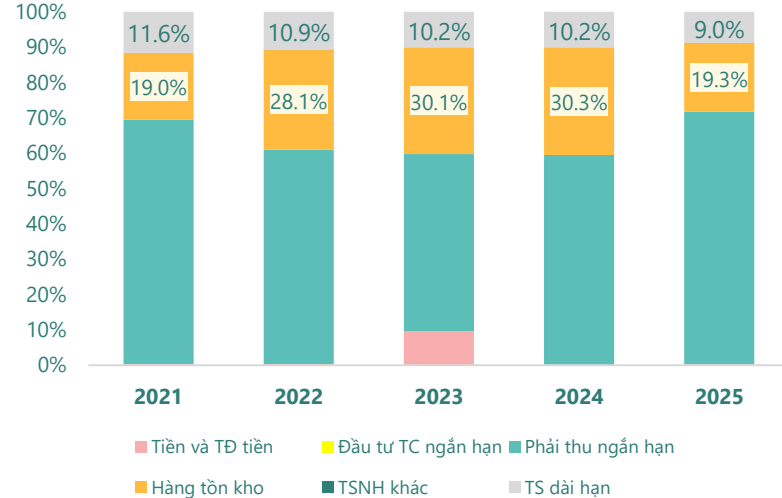
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

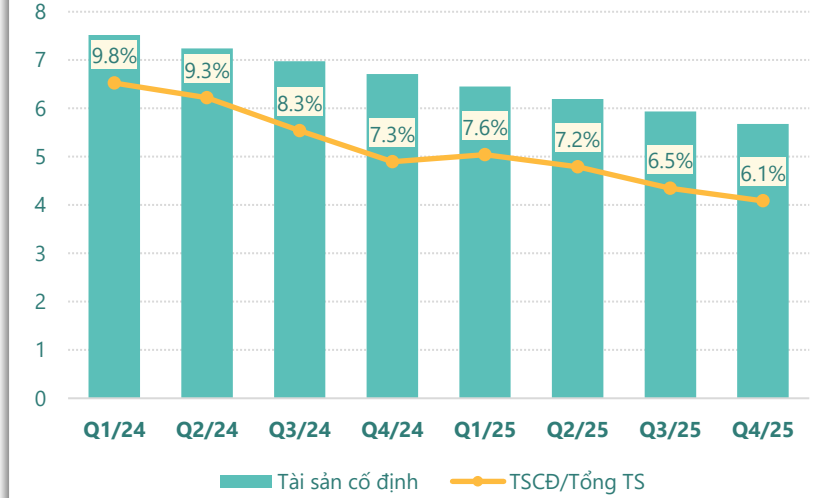
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

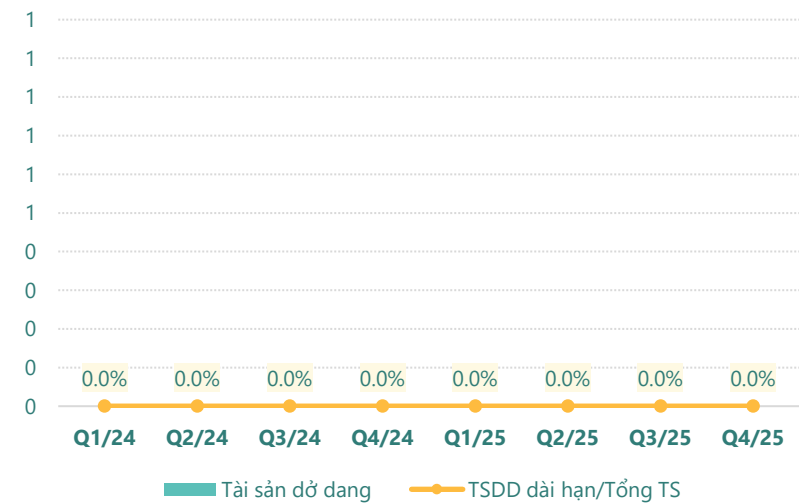
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

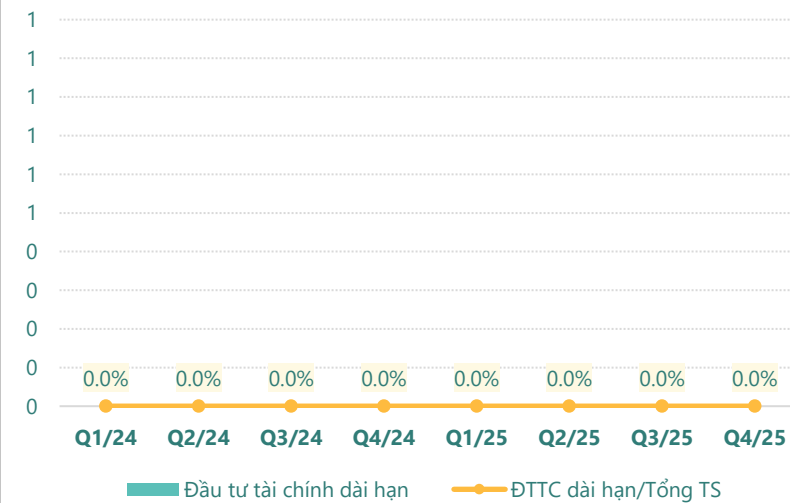
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

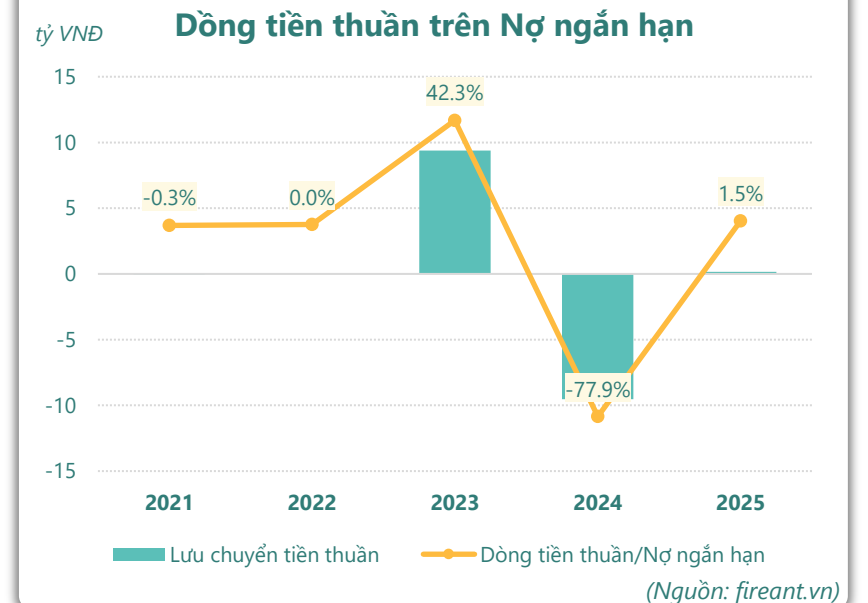
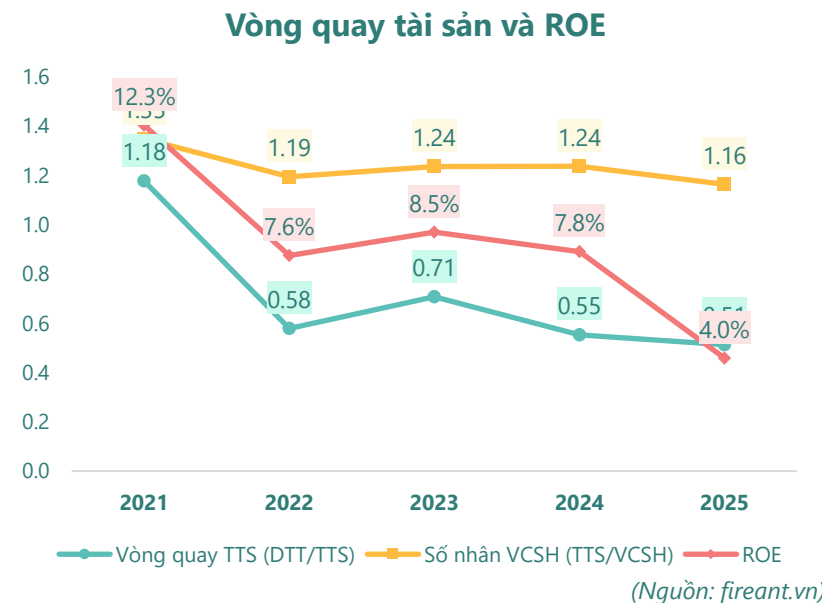
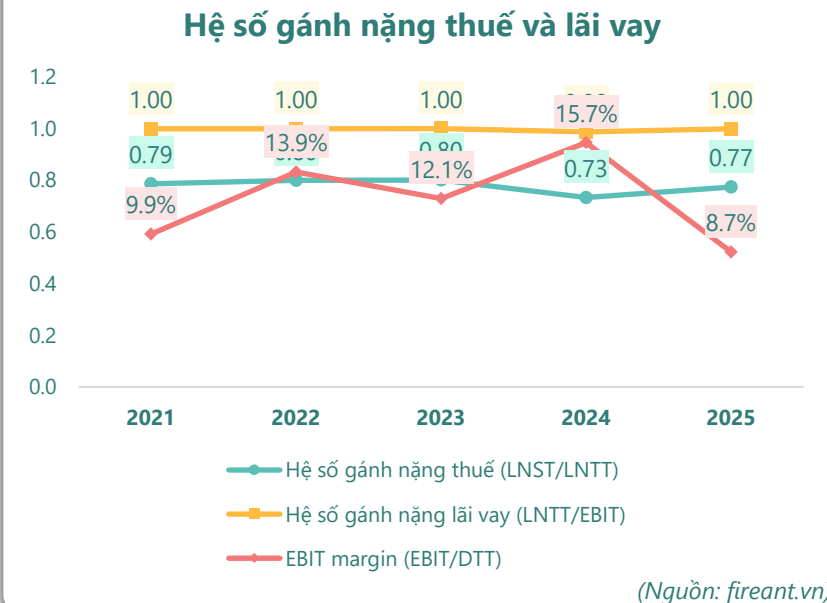
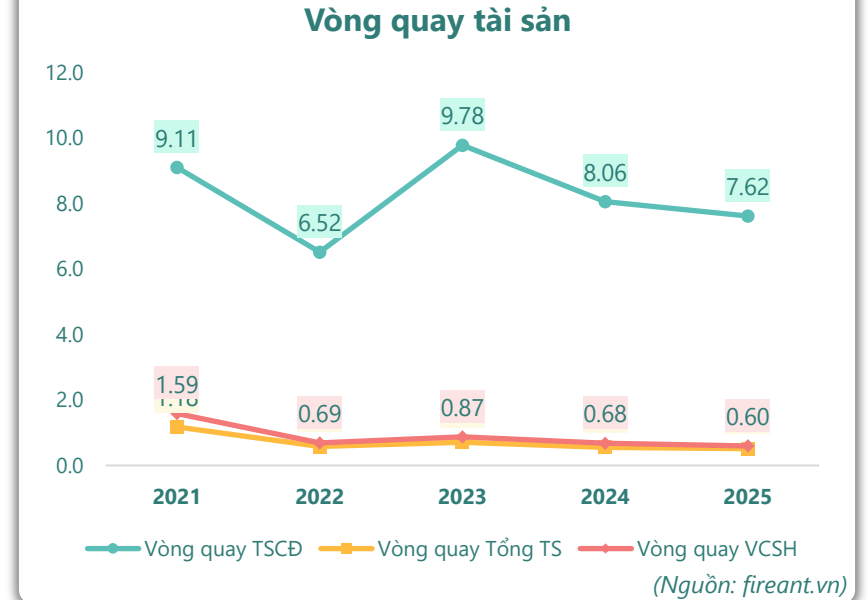
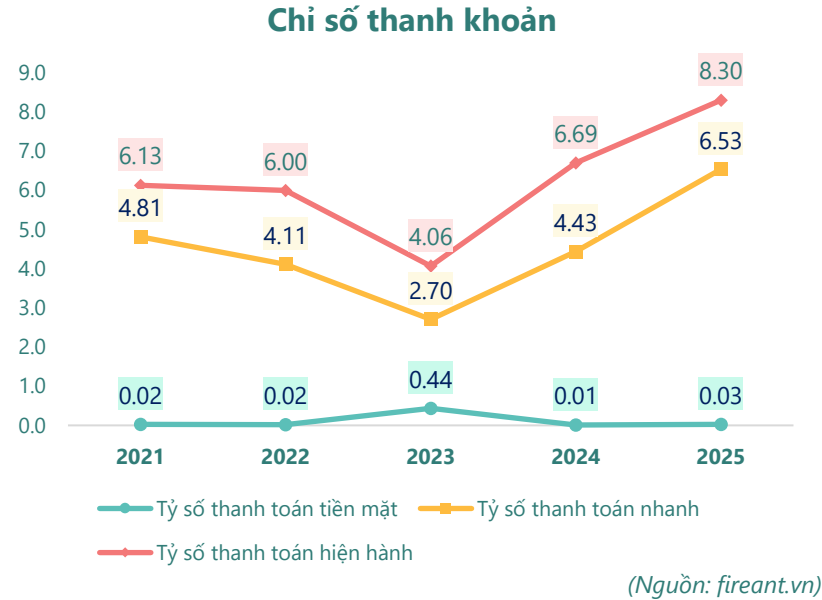
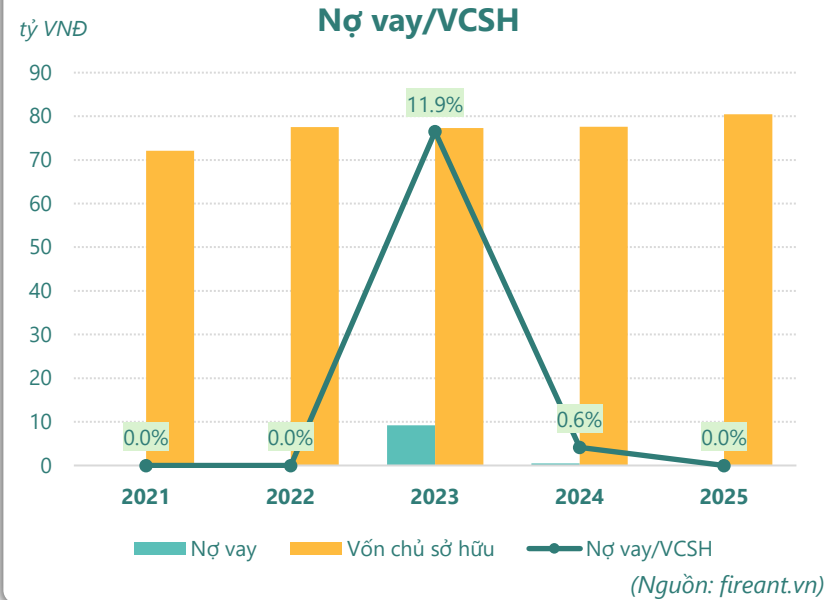
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.4	19.1	-40.5%	47.2	53.0	-11.0%
Giá vốn hàng bán	9.23	13.4	-31.1%	42.0	40.8	2.9%
Lợi nhuận gộp	2.14	5.73	-62.7%	5.17	12.2	-57.6%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.05	-7.6%	0.05	0.11	-55.4%
Chi phí TC	0.01	0.00		0.01	0.11	-94.3%
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.01	0.11	-94.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.80	0.89	-9.9%	3.02	3.04	-0.4%
LN thuần từ HĐKD	1.38	4.89	-71.8%	2.18	9.15	-76.1%
Lợi nhuận khác	0.02	-1.10	102%	1.92	-0.91	310%
LN trước thuế	1.40	3.79	-63.1%	4.10	8.23	-50.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.11	2.80	-60.2%	3.17	6.03	-47.5%
LNST của CĐ cty mẹ	1.11	2.80	-60.2%	3.17	6.03	-47.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.41	-0.50	0.62	0.17	0.30	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.12	-0.05	0.00	0.00	0.00	2.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.33	0.50	-0.50	0	1.28	-4.14
Tiền đầu kỳ	0.20	0.17	0.12	0.23	0.41	1.98
Lưu chuyển tiền thuần	9.20	-0.05	0.11	0.17	1.57	-1.71
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.17	0.12	0.23	0.41	1.98	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	92.6	91.3	1.4%
Tài sản ngắn hạn	84.3	82.0	2.8%
Tiền và tương đương tiền	0.27	0.12	125%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	66.1	54.2	22.0%
Hàng tồn kho	17.9	27.7	-35.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	-7.3%
Tài sản dài hạn	8.29	9.29	-10.7%
Phải thu dài hạn	2.62	2.38	10.0%
Tài sản cố định	5.68	6.71	-15.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.20	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.1	13.7	-11.5%
Nợ ngắn hạn	10.2	12.3	-17.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.53	3.15	-83.1%
Nợ dài hạn	1.97	1.45	35.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	80.5	77.6	3.7%
Vốn chủ sở hữu	80.5	77.6	3.7%
Vốn điều lệ	56.1	56.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

